

Số: 3397/2015/QĐ-ABIC-TSTQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Biểu phí máy móc thiết bị chủ thầu**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000, Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi năm 2010 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 38 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/10/2006 và các Giấy phép điều chỉnh;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) ban hành theo Nghị quyết số 66/2014/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 86/2015/QĐ-HĐQT-TCHC ngày 10/9/2015 của Chủ tịch HĐQT về việc thành lập Tổ soạn thảo, xây dựng quy trình, quy chế, cơ chế kinh doanh tại ABIC;

Căn cứ Biên bản họp Tổ soạn thảo, xây dựng quy trình nghiệp vụ ngày 17/11/2015;

Căn cứ yêu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh;

Theo đề nghị của Tổ soạn thảo quy trình tại Tờ trình ngày 07/12/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này **“Biểu phí bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu”**.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016. Biểu phí máy móc thiết bị chủ thầu được ban hành theo quyết định trước đây hết hiệu lực áp dụng kể từ ngày ký Quyết định này.

**Điều 3:** Thành viên Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh thuộc ABIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Thành viên HĐQT chuyên trách;
- Ban Kiểm soát;
- Ban KTKSNB, Ban QLRR;
- Lưu: TCHC, TKPC, Tk Cty.



**Hoàng Thị Tính**

# BIỂU PHÍ BẢO HIỂM MÁY MÓC THIẾT BỊ CHỦ THẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3397/QĐ-ABIC-TSTQT, ngày 31/12/2015  
của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần bảo hiểm Ngân hàng nông nghiệp)

## I. Quy định chung

- Biểu phí này được ban hành và áp dụng thống nhất trong hệ thống Công ty Cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

- Các đơn vị căn cứ vào mức phí quy định tại biểu phí này chủ động trong việc chào phí, cấp đơn bảo hiểm theo quy định nhưng không được thấp hơn tỷ lệ phí cơ bản quy định tại biểu phí này.

- Việc chào phí và cấp đơn bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu phải tuân thủ Quy trình và Hướng dẫn khai thác nghiệp vụ của Công ty.

- Biểu phí này chỉ áp dụng đối với các dịch vụ không thuộc trường hợp phải thông báo tái trước khi cấp đơn.

- Đối với các trường hợp không được quy định trong Biểu phí này, phí bảo hiểm cụ thể sẽ do Tổng giám đốc quyết định.

- Đối với các máy móc/thiết bị có trên 10 năm tuổi, mức khấu trừ do Tổng giám đốc quyết định.

- Biểu phí cơ bản áp dụng đối với các đơn bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm là 1 năm. Nếu các máy móc thiết bị chủ thầu này bảo hiểm trên một năm thì tính thêm phụ phí theo tháng, nếu ngắn hơn một năm thì áp dụng theo biểu phí ngắn hạn dưới đây.

- Nếu Người được bảo hiểm chỉ yêu cầu bảo hiểm máy móc xây dựng mà không bảo hiểm cho cả công trình xây dựng thì đơn bảo hiểm không chịu trách nhiệm với những thiệt hại do máy móc này gây ra cho người thứ ba (không bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba cho riêng máy móc xây/lắp)

- Biểu phí cơ bản này chưa bao gồm 10% thuế VAT.

## II. Biểu phí cơ bản

Khu vực rủi ro loại	Tỷ lệ phí(%)		
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Loại A	0,3	0,2	0,1
Loại B	0,4	0,3	0,2
Loại C	1,1	0,7	0,5

Giải thích:

- **Nhóm 1:** Cầu các loại;
- **Nhóm 2:** Máy xúc, máy ủi, máy ngoàm đất, xe tự đổ, máy đóng cọc, máy đầm, máy khoan, xe tải (hoạt động trong phạm vi công trường thi công);
- **Nhóm 3:** Máy nghiền, hệ thống đường ray trên khu vực công trường, đầu máy xe lửa, máy trải nhựa, máy trộn bê tông, máy phun bê tông.
- **Loại A:** Vùng ít rủi ro, tức là vùng đồng bằng, nằm xa các con sông hay các nhánh của sông hồ;
- **Loại B:** Vùng có rủi ro trung bình, tức là nằm trong vùng ảnh hưởng của sông, nhánh sông hay hồ và vùng đất không bằng phẳng;
- **Loại C:** Vùng có tính chất địa chấn phức tạp và đặc biệt có rất nhiều rủi ro thiên tai, nền đất yếu, gần sông hồ.

Lưu ý: Trường hợp khách hàng yêu cầu địa điểm được bảo hiểm là trên toàn lãnh thổ Việt Nam thì áp dụng mức phí tương ứng với khu vực rủi ro loại C.

**III. Biểu phí bảo hiểm ngắn hạn:**

Được xác định bằng tỷ lệ % trên phí bảo hiểm năm:

- Dưới 1 tháng : 15%
- Từ 1 đến 3 tháng : 30%
- Từ 3 đến 6 tháng : 60%
- Từ 6 đến 9 tháng : 90%
- Từ 9 đến 12 tháng : 100%

hoặc theo thỏa thuận được quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

**IV. Mức khấu trừ:**

Mức khấu trừ trong bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu được tính bằng 5% giá trị tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đối với mỗi sự cố nhưng không thấp hơn:

- 20.000.000 đồng/vụ tổn thất đối với các máy móc/thiết bị có giá trị sử dụng còn dưới 75% hoặc máy móc/thiết bị có từ 4 năm tuổi trở lên (\*).
- 10.000.000 đồng/vụ tổn thất đối với các máy móc/thiết bị có giá trị sử dụng còn trên 75% hoặc máy móc/thiết bị dưới 4 năm tuổi (\*).

(\* năm tuổi: tính từ năm sản xuất

**V. Các điều kiện điều khoản áp dụng:**

Áp dụng phụ phí bổ sung tương đương 5% tỷ lệ phí cơ bản đối với mỗi điều khoản bổ sung dưới đây:



- Mở rộng bảo hiểm đổ vỡ máy móc (chỉ áp dụng cho máy móc dưới 4 năm tuổi).
- ĐKBS MR 001: Bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công, nổi loạn.
- ĐKBS MR 006: Bảo hiểm đối với các chi phí phụ về làm thêm giờ, làm đêm, làm ngày lễ, cước phí chuyển phát nhanh.
- ĐKBS MR 007: Bảo hiểm chi phí phụ đối với cước phí vận chuyển bằng đường hàng không.
- ĐKBS MR 401: Vận chuyển nội địa.



*Hoàng Thị Linh*